



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAI NGUYEN UNIVERSITY

ISSN 1859 - 2171

TẠP CHÍ
KHOA HỌC
&
CÔNG NGHỆ
JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 183, số 07, 2018

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Hoàng Thị Phương Nga - Mô hình du lịch văn học “Làng Vũ Đại ngày ấy”	3
Phạm Thị Thu Hoài, Trần Thị Thanh - Tiếng lòng trong truyện về đề tài giáo dục của Văn Thành Lê	9
Ngô Thị Thanh Nga, Phạm Thị Hồng Vân - Vài nét về các phương thức thể hiện tình vợ chồng trong văn học trung đại Việt Nam	15
Nguyễn Thị Thắm, Nguyễn Minh Sơn - Ý thức đối thoại của Nguyễn Ngọc Tư với văn học truyền thống thông qua những nhân vật nữ trong tập truyện <i>Không ai qua sông</i>	21
Đặng Thị Thủy, Nguyễn Diệu Thương - Lô gích của các hiện tượng “phi lô gích” trong ca dao, tục ngữ người Việt	27
Đinh Thị Giang - Những nhân tố ảnh hưởng đến lối sống của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ hiện nay	33
Nguyễn Diệu Thương, Nguyễn Thị Lan Hương - Phương thức tạo hàm ý trong tiểu phẩm trào phúng	39
Nguyễn Thu Quỳnh, Vi Thị Hiền - Từ ngữ chỉ đồ gia dụng trong tiếng Thái ở tỉnh Điện Biên	45
Nguyễn Thị Thu Oanh, Hoàng Thị Mỹ Hạnh - Vị thế, vai trò cầm quyền của Đảng Cộng Sản Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975 và một số bài học kinh nghiệm	51
Đỗ Hằng Nga, Phạm Quốc Tuấn - Việc thu thuế trong làng xã qua tư liệu hương ước cải lương tỉnh Thái Nguyên	57
Lê Văn Hiếu - Hiệu quả hoạt động của mô hình “ban tuyên vận” xã, phường, thị trấn và “tổ tuyên vận” thôn, bản, tổ dân phố ở tỉnh Lào Cai trong giai đoạn hiện nay	63
Thái Hữu Linh, Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thanh Hà - Vai trò của hậu phương Bắc Thái trong cuộc tổng tiến công Mậu Thân năm 1968	69
Phạm Anh Nguyên - Sức hấp dẫn trong Hải đàm của Phan Khôi	73
Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Mão, Nguyễn Tuấn Anh - Nâng cao hiệu quả tổ chức các hoạt động ngoại khoá trong dạy học môn giáo dục công dân ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Thái Nguyên hiện nay	79
Nguyễn Văn Dũng, Đào Ngọc Anh - Thực trạng thể chất của sinh viên không chuyên thể dục thể thao Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	85
Trần Bảo Ngọc, Lê Ngọc Uyển, Bùi Thanh Thủy và cs - Thực trạng xếp loại tốt nghiệp sinh viên diện cử tuyển ở trường Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên giai đoạn 2013-2017	91
Nguyễn Thúc Cảnh - Nghiên cứu xây dựng hệ thống bài tập có nội dung thực tế trong giảng dạy cơ học cho học sinh trung học phổ thông	97
Hà Thị Kim Linh, Chu Thị Bích Huệ - Giáo dục kiến thức pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số ở huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	105
Nguyễn Thị Thanh Hồng, Nguyễn Thị Khánh Ly, Vũ Kiều Hạnh - Tăng cường sự tham gia của sinh viên vào các hoạt động học tiếng Anh trong lớp học đồng nhiều trình độ của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên	111
Phạm Thị Huyền, Vũ Thị Thủy - Vận dụng phong cách nêu gương theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng phong cách làm việc đối với cán bộ chủ chốt ở nước ta hiện nay	117
Đàm Quang Hưng - Thiết kế bài học khoa học lớp 4, lớp 5 theo hướng tìm tòi thực nghiệm	123
Hoàng Thị Thu Hoài - Những khó khăn trong việc dạy và học từ vựng tiếng Anh chuyên cho sinh viên chuyên ngành điều dưỡng, trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên và một số giải pháp đề xuất	129

Nguyễn Lan Hương, Văn Thị Quỳnh Hoa - Những nhân tố ảnh hưởng đến khả năng nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên	135
Vũ Kiều Hạnh - Những yếu tố quyết định đến mức độ đọc hiểu của sinh viên năm thứ hai tại trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên	141
Nguyễn Thị Quế, Hoàng Thị Nhung - Hồi đúng đắn để tự học và học tập cộng tác thành công – hướng tới xây dựng người học ngoại ngữ độc lập trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế	147
Ngô Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hoài Thu - Ứng dụng các phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao chất lượng dạy – học tiếng Việt cho học viên quốc tế tại Học viện Kỹ thuật Quân sự	153
Dương Văn Tân - Đánh giá hiệu quả áp dụng trò chơi vận động trong phát triển thể lực chung cho sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên	159
Bùi Thị Hương Giang - Nâng cao năng lực giao tiếp giao văn hóa trong dạy và học ngoại ngữ	165
Trần Hoàng Tinh, Nông La Duy, Phạm Văn Tuấn - Xây dựng trung đội tự quản trong quản lý giáo dục tính kỷ luật cho sinh viên tại trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh trong giai đoạn hiện nay	171
Trần Thị Yến, Khổng Thị Thanh Huyền - Sử dụng hình thức đọc chuyên sâu để nâng cao khả năng viết học thuật cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh	177
Đỗ Thị Hồng Hạnh, Hoàng Mai Phương - Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	183
Trần Thùy Linh, Trần Lương Đức, Nguyễn Thị Thùy Trang - Cách tiếp cận của pháp luật cạnh tranh liên minh châu Âu về hành vi lạm dụng mang tính trục lợi	189
Nguyễn Thị Thanh Hà, Phạm Việt Hương - Xây dựng bộ tiêu chí và chỉ số kinh tế phù hợp để đánh giá quản lý rừng bền vững ở huyện Định Hóa	195
Đinh Thị Hoài - Truyền thông marketing sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện tại Trung tâm Học liệu Đại học Thái Nguyên	201
Nguyễn Thị Thanh Xuân - Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ khách sạn tại Thanh Hóa, Việt Nam	207
Dương Thị Tình - Đóng góp của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế của tỉnh Yên Bái	213
Lê Minh Hải, Trần Viết Khanh - Phân tích tổ chức không gian lãnh thổ du lịch tỉnh Thái Nguyên	219
Hà Văn Vương - Vận dụng lý thuyết Ecgonômi trong tổ chức môi trường làm việc tại văn phòng chi nhánh may Sông Công II - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	227
Mai Anh Linh, Nguyễn Thị Minh Anh - Đánh giá chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng: nghiên cứu thực nghiệm tại siêu thị Lan Chi, Thái Nguyên	233
Đinh Hồng Linh, Nguyễn Thu Nga, Nguyễn Thu Hằng - Sử dụng hàm Loga siêu việt để đánh giá hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng Việt Nam	239

TIẾNG LÓNG TRONG TRUYỆN VỀ ĐỀ TÀI GIÁO DỤC CỦA VĂN THÀNH LÊ

Phạm Thị Thu Hoài*, Trần Thị Thanh

Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Tiếng lóng xuất hiện ở hầu hết các ngôn ngữ trên thế giới. Trong hệ thống từ loại, tiếng lóng vốn chỉ là một “*biệt ngữ*” xã hội, là một dạng ngôn ngữ hẹp được sử dụng trong một nhóm hay cộng đồng nào đó mang tính ám chỉ. Hiện nay, ngành Ngôn ngữ học đã coi tiếng lóng là đối tượng nghiên cứu của Ngôn ngữ học xã hội. Sự phát triển của tiếng lóng không chỉ dừng ở ngôn ngữ nói mà còn thể hiện trong ngôn ngữ viết. Vai trò của tiếng lóng đang dần được khẳng định, nó giúp tăng sức hấp dẫn, dí dỏm, tạo sắc thái lạ hóa cho ngôn ngữ toàn dân. Với lối viết tài tình, Văn Thành Lê đã linh hoạt đưa ngôn ngữ lóng vào trong sáng tác của mình, tái hiện một cách khách quan, sinh động hiện thực của việc dạy và học.

Từ khóa: tiếng lóng, ngôn ngữ hẹp, Văn Thành Lê, sắc thái lạ hóa, ngôn ngữ toàn dân

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiếng lóng xuất hiện ở hầu hết các ngôn ngữ trên thế giới. Trong hệ thống từ vựng, tiếng lóng vốn chỉ là một “*biệt ngữ*” xã hội, là một dạng ngôn ngữ hẹp được sử dụng trong một nhóm hay cộng đồng nào đó mang tính ám chỉ. Hiện nay, ngành Ngôn ngữ học đã coi tiếng lóng là đối tượng nghiên cứu của Ngôn ngữ học xã hội. Tính đến thời điểm hiện nay có nhiều công trình, bài báo khoa học nghiên cứu về tiếng lóng của các tác giả như: Nguyễn Văn Khang [1], Trần Văn Chánh, Phạm Văn Tình, Đoàn Tử Huyền, Lê Thị Yên,... Qua đây cho thấy, sự phát triển của tiếng lóng không chỉ dừng ở ngôn ngữ nói mà đã đi sâu vào ngôn ngữ viết. Một số nhà văn của thế hệ trước đã đưa tiếng lóng vào các sáng tác của mình như Nguyễn Hồng, Vũ Trọng Phụng... Cùng với sự phát triển của ngôn ngữ nói chung và tiếng lóng nói riêng, đã có nhiều cây bút trẻ sử dụng tiếng lóng vào trong các sáng tác như: Văn Thành Lê, Meggie Phạm, Li Di, Vũ Phương Thanh (Gào), Nguyễn Ngọc Thạch (Jade), Lê Văn Trương (Hamlet Trương),... Trong số đó, tác giả Văn Thành Lê đã chọn cho mình một lối đi riêng trên phương diện xác lập đề tài và phong cách ngôn ngữ.

GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Trong các công trình nghiên cứu về ngôn ngữ, vấn đề tiếng lóng được nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau.

Cuốn “Đại từ điển tiếng Việt” do Nguyễn Như Ý chủ biên đưa ra khái niệm tiếng lóng như sau: “*Tiếng lóng là cách nói một ngôn ngữ riêng trong một tầng lớp hoặc một nhóm người nào đó, cốt chỉ để trong nội bộ hiểu với nhau mà thôi. Bọn phe phẩy dùng tiếng lóng giao dịch với nhau. Tiếng lóng của bọn kẻ cắp*” [2, tr.1636]. Theo các tác giả Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến: “*Tiếng lóng nói cho giản dị là một bộ phận từ ngữ do những nhóm, những lớp người trong xã hội dùng để gọi tên những sự vật, hiện tượng, hành động, ... vốn đã có tên gọi trong vốn từ chung nhằm giữ bí mật trong nội bộ nhóm mình*” [3, tr.224]. Tiếng lóng có thể hiểu là những từ vựng không phải từ toàn dân, thường được sử dụng trong giao tiếp hàng ngày. Ban đầu tiếng lóng xuất hiện nhằm mục đích che giấu ý nghĩa, diễn đạt theo quy ước chỉ những người nhất định mới hiểu. Tiếng lóng thường không mang ý nghĩa trực tiếp mà mang nghĩa biểu trưng (nghĩa lóng). Ở một góc độ nào đó, tiếng lóng góp phần làm phong phú lớp từ toàn dân và được sử dụng rộng rãi trong xã hội.

* Tel: 0936.633.777; Email: phamthuhoai.kv@gmail.com

Bảng 1. Thống kê số lượng tiếng lóng trong các truyện về đề tài giáo dục của Văn Thành Lê

Tác phẩm	Tiếng lóng		Cụm từ	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Ghi chú về những giấc mơ	12	10,1	8	6,8
Không biết đâu mà lần	33	28,0	22	18,6
Nghiep nhà	4	3,4	3	2,5
Sẽ trôi về đâu	11	9,3	10	8,5
Thừa ra một người	10	8,5	5	4,2
Tổng số	70	59,3	48	40,7

Đặc điểm ngôn ngữ lóng trong sáng tác của Văn Thành Lê

Tác giả Văn Thành Lê

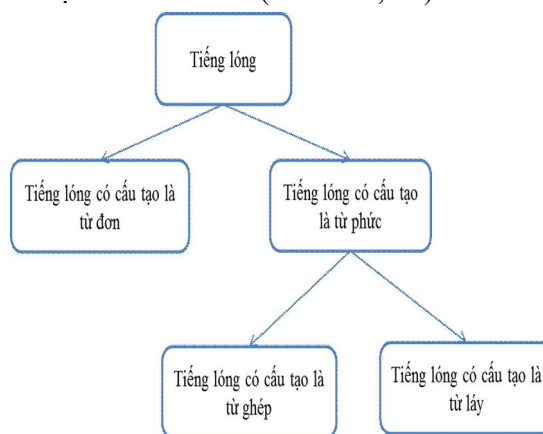
Tác giả Văn Thành Lê tên khai sinh là Lê Văn Thành, sinh năm 1986 tại Mậu Lân, Như Thanh, Thanh Hóa. Sinh ra trong gia đình có truyền thống làm việc trong ngành giáo dục, Văn Thành Lê thi đỗ vào Đại học Sư phạm Huế khoa Sinh học. Anh tốt nghiệp cử nhân Sư phạm Sinh học khóa 2004 – 2008. Tuy nhiên sau khi tốt nghiệp 3 năm, Văn Thành Lê đã chuyển từ con đường dạy học sang con đường sáng tác văn chương. Là nhà văn thế hệ 8x, cho đến nay Văn Thành Lê đã cho ra mắt đọc giả nhiều tác phẩm và gây được sự chú ý như: *Biết đến khi nào mưa thôi rơi* [4], *Thừa ra một người* [5], *Sẽ trôi về đâu* [6], *Ghi chú về những giấc mơ* [7], *Con gái tuổi Dần* [8], *Ông mặt trời và mùi hương của mẹ* [9], *Không biết đâu mà lần* [10]...

Các tác phẩm viết về đề tài giáo dục của Văn Thành Lê được viết rất chân thực, phản ánh và thể hiện rõ thực trạng của việc dạy, việc học, việc quản lý giáo dục hiện nay. Đó là những câu chuyện về nhà trường, với nhân vật là giáo viên, học sinh và vô vàn những tình huống sư phạm xảy ra trên lớp... Có thể nói, các sự kiện, chi tiết trong truyện ngắn mà Văn Thành Lê viết dường như chính là những gì mà tác giả đã nhìn thấy, nghe thấy, tự mình trải nghiệm được trong cuộc sống.

Đặc điểm của tiếng lóng trong truyện về đề tài giáo dục của Văn Thành Lê xét trên phương diện cấu tạo từ

Chúng tôi đã khảo sát các truyện ngắn viết về đề tài giáo dục của Văn Thành Lê và thu được

kết quả như bảng 1. Số liệu bảng 1 cho thấy: các tiếng lóng là từ có 70/118 (chiếm 59,3%) và cụm từ có 48/118 (chiếm 40,7%).



Hình 1. Phân loại tiếng lóng theo cấu tạo từ (từ đơn, từ phức)

* Tiếng lóng có cấu tạo là từ đơn

Một số từ lóng của học sinh, sinh viên được cấu tạo bởi từ đơn như: *phao* (tài liệu), *tạch* (thi trượt), *gậy* (điểm 1), *ngỗng* (điểm 2), *ghi đông* (điểm 3), *sa lông* (điểm 4), *bỏ hóng* (nghe ngóng), *bỏ kết* (thích, yêu thích)...

Số lượng tiếng lóng có cấu tạo từ đơn mà chúng tôi khảo sát được trong truyện của Văn Thành Lê là 21/70 từ tương ứng với 30%.

(1) “Theo như học bạ từ tiểu học tới trung học cơ sở rồi trung học phổ thông, hẳn luôn được xem là “sao” của trường về thành tích học tập...” [4, tr.113]

(2) “Đúng rồi, bài gì cũng được. Nhưng làm sao đừng là Lá Diêu Bông rồi lại cứ lời ru buồn nghe mệnh mang mệnh mang thì đắng lắm” [4, tr.115]

(3) “Giáo dục là quốc sách, hàng đầu, là vơ-đét đấy!” [6, tr.155]

Các từ lỏng: *sao, đấng, vợ-đét* là những từ đơn được cấu tạo từ một hình vị. Các từ *sao, đấng* là từ đơn một âm tiết. Từ *vợ-đét* là các từ đơn đa âm, các từ này vốn là những từ vay mượn có nguồn gốc Ấn – Âu đã được biến chuyển theo cách ghi âm âm vị của người Việt.

* *Tiếng lỏng có cấu tạo là từ phức*

Trong kết quả khảo sát mà chúng tôi thu thập được, tiếng lỏng có cấu tạo là từ phức có số lượng là 49 từ chiếm 70% nhiều hơn gấp 2.45 lần số lượng tiếng lỏng có cấu tạo là từ đơn.

(4) “*Anh chưa từng nghĩ đến có một ngày mình sẽ nhảy dù đổ bộ vào mảnh đất phương Nam xa lơ xa lắc...*” [5, tr.8]; (nhảy dù: chuyển chỗ ở, nơi làm việc)

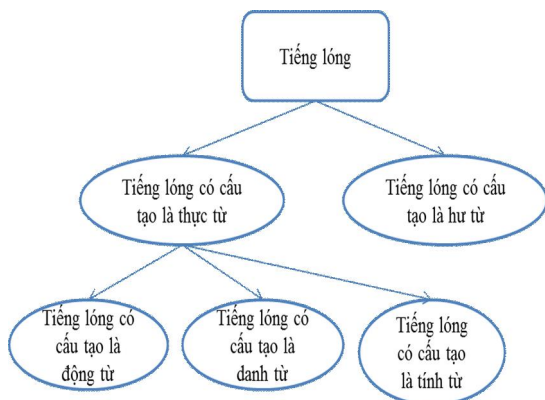
(5) “*Mười một tên là mười một cái máy chém lê khắp lớp. Sắc như dao đồ tể đụng đầu bèn đẩy*” [5, tr.9]; (máy chém: nói chuyện, bàn tán)

(6) “*Trở lại với anh thầy thể dục đắt hàng trong mắt nữ sinh. Không phải chỉ mình anh thầy ấy. Hầu như anh thầy thể dục nào cũng có lợi thế. Bởi cái mã khá ổn*” [6, tr.148]; (đắt hàng: được nhiều người để ý)

Trong các trường hợp trên: *máy chém, nhảy dù, đắt hàng* là những từ ghép được sản sinh do sự kết hợp của hai hình vị với nhau, mang lại ý nghĩa dí dỏm, tạo phong cách riêng cho người viết.

Đặc điểm của tiếng lỏng trong truyện về đề tài giáo dục của Văn Thành Lê xét trên phương diện ngữ pháp

* *Tiếng lỏng có cấu tạo là hư từ, thực từ*



Hình 2. Phân loại tiếng lỏng dựa vào cấu tạo ngữ pháp

Trên cơ sở khảo sát các truyện ngắn của Văn Thành Lê, thu được kết quả khảo sát như sau:

Các từ lỏng xuất hiện dưới dạng thực từ gồm có động từ, danh từ và tính từ. Trong đó, số lượng từ lỏng là động từ là nhiều nhất 33/73 từ chiếm 45.2%, danh từ có 28/73 từ chiếm 38.4%, cuối cùng là tính từ, có 12/73 từ chiếm 16.4%. Không có từ lỏng nào xuất hiện dưới dạng hư từ. Vì vậy chúng tôi tiến hành phân tích số lượng từ lỏng này như sau:

a1. Tiếng lỏng là động từ

Có số lượng nhiều nhất, chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tổng số ngữ liệu khảo sát 33/73 từ chiếm 45.2%.

(7) “*Trong mỗi tiết dạy thầy chiếu tướng góc phải, chọc khe chính giữa, tạt qua biên ra góc trái.*” [5, tr.54]; (chiếu tướng, chọc khe, tạt qua biên: nhìn, liếc mắt)

(8) “*Trong tam giác vàng ấy thi thoảng lại có vài vụ chóe lên xuống như đồ thị giá vàng. Chị bán xôi mời chài anh thợ điện. Anh thợ điện âm mưu tiện chị cắt tóc. Con em học nghệ thuật tí tởn diên cuồng lao tâm khổ tứ với cu em học báo chí. Gí nhau loạn xà ngầu*” [5, tr.30]; (tiện: dành sự để ý đặc biệt tới một ai đó).

a2. Tiếng lỏng là danh từ

(9) “*Nếu gặp nai nào ngờ ngác ông cho ngà bàn đèn ngay, bằng không cũng phải khảo sát sơ bộ điện nước, công trình chính công trình phụ.*” [4, tr.212]; (nai: người con gái ngây thơ, bàn đèn: sự quan hệ tình dục; điện nước, công trình chính công trình phụ: ám chỉ các bộ phận trên cơ thể người con gái/ phụ nữ).

a3. Tiếng lỏng là tính từ

(10) “*Dù thời nàg Sư phạm vẫn đang là ngành hot, đầu vào cao không thua gì mấy ngành kia. Nhưng xét ngoại hình dân sư phạm đa số toàn vịt bầu, bên kia toàn thiên nga.*” [6, tr.148]; (hot: thu hút; vịt bầu: béo, lùn, chậm chạp; thiên nga: xinh đẹp).

* *Tiếng lỏng có cấu tạo là cụm từ*

Dựa vào mối quan hệ ngữ pháp chúng tôi khảo sát thu được kết quả như bảng 2.

Bảng 2. Thống kê số lượng tiếng lóng có cấu tạo là cụm từ trong truyện ngắn của Văn Thành Lê

Kiểu cấu tạo/ từ loại		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ví dụ
Cụm từ chính phụ	Cụm danh từ	15	28.9	củ tiếp đất, kinh nghiệm bề gãy sừng trâu, thể lực thù địch,...
	Cụm động từ	18	34.6	vỡ con bò mộng, đánh bắt xa bờ, phản lưới nhà, đàm phán bốn bên...
	Cụm tính từ	6	11.5	hắc xì dầu, sừng củ tỏi, ngẫu hứng lí ngựa ô, khổ một cách hồn nhiên...
Cụm từ đẳng lập		7	13.5	nhân tố mới mô hình mới, công trình chính công trình phụ, bàn tròn bàn vuông bàn méo...
Cụm từ chủ vị		6	11.5	Tìm đang đạt dào máu, mì tôm khóa thân, ...

Trên cơ sở khảo sát truyện ngắn của Văn Thành Lê, chúng tôi thu được kết quả như sau: tiếng lóng có cấu tạo là cụm từ chính phụ 39/52 chiếm 75%, cụm từ đẳng lập 7/52 chiếm 13,4%, cụm từ chủ vị 6/52 chiếm 11,5%.

(11) “Văn là Kha phát tín hiệu định vị chỗ ở cho Anh” [5, tr.31]; (phát tín hiệu định vị: tìm kiếm vị trí)

(12) “Cô bạn trong lớp có ngoại hình sạch nước cần từng lọt vào khe ngắm của thầy kể từ mi chuyển thầy tung câu rải thính như mời với nó” [5, tr.72]; (sạch nước cần: khá đẹp, ưa nhìn; rải thính: tạo ấn tượng, chú ý)

(13) “Học trò nữ được thầy quan tâm sâu sát mất la mảy liếc như cáo già rình gà con. Ôi những con gà ri, gà nhà, gà giò mới lớn, không thuốc khích thích vỗ béo, không sâu bệnh, cắn một miếng cứ gọi là ẩm ực tận chân răng, căng tràn nhựa sống, lỏng lẻo suối lòng” [5, tr.54]; (con gà ri, gà nhà, gà giò: học trò nữ)

Đặc điểm của tiếng lóng trong truyện về đề tài giáo dục của Văn Thành Lê xét trên phương diện nguồn gốc

* Tiếng lóng có nguồn gốc tiếng Hán

Từ Hán Việt chiếm một số lượng nhất định trong từ vựng tiếng Việt. Trong sáng tác của mình, Văn Thành Lê cũng đã sử dụng một số lượng không nhỏ các từ Hán Việt có sự biến đổi theo hướng “lóng” nghĩa.

(14) “Bạn vận hết công lực đọc lỏm được trong những cuốn sách loại Hạt giống tâm hồn hồi nào hồi nào, rưới lên đầu học sinh, mong nhận được một sự chuyển biến gì đấy” [6, tr.176]; (công lực: kiến thức)

(15) “Mỗi lần nhậu, chộc mấy anh hàng tồn kho ấy, các anh lại cười ha hả nói, vậy là đúng quy luật tự nhiên” [5, tr.149]; (hàng tồn kho: không có người yêu)

(16) “Hôm ấy Lãm mới đưa được hai chén qua cửa khẩu, chưa kịp để ai hỏi đã nói thơ “Thiên tài cùng với thằng điên/ Cách nhau chỉ một đường biên mơ hồ” [5, tr.155]; (cửa khẩu: miệng)

(17) “- À mà đầu năm có mấy em mới về đấy. Cũng được phết. Đang ở cuối phòng. Cậu về nhanh tay hót một em cho nó ngoạn mục. Mà đã có người yêu chưa?

- Dạ, em chưa.

- Trông mặt mũi thế này mà chưa hơi vô lý. Nội thất có hồng hóc gì không?” [5, tr.26]; (nội thất: sức khỏe)

Có thể thấy việc tiếng lóng tồn tại dưới hình thức từ Hán – Việt khá đa dạng và phong phú, ẩn sau lớp vỏ ngữ âm là lớp ngữ nghĩa mang tính chất rất hiện đại. Điều đó thể hiện phần nào sự kế thừa và phát huy vốn ngôn ngữ dân tộc.

* Tiếng lóng có nguồn gốc từ ngôn ngữ Ấn - Âu

Thông thường, tiếng Việt dùng các từ vay mượn khi trong hệ thống ngôn ngữ không có từ phù hợp để diễn tả sự vật, sự việc. Ví dụ như *xăm, lớp, xích, líp...* để chỉ các bộ phận của một chiếc xe. Khi du nhập vào tiếng Việt, các từ ngữ này ít hoặc không có sự biến đổi về nghĩa. Trong sáng tác của mình, Văn Thành Lê đã sử dụng từ phiên âm tiếng nước ngoài một cách phổ biến. Việc sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp hay chêm xen một vài từ

phiên âm gây sự chú ý, có sắc thái lạ hóa, hiện đại cho tác phẩm.

(18) “- *Giáo dục là quốc sách, hàng đầu, là vor-dét đấy!*

- *Vậy nên thi thoảng lại bị đề ra cường bức một lần bằng đề án này nọ*” [6, tr.157]; (vor-dét: (vedette) quan trọng)

(19) “*Ai ngờ có một “thế lực thù địch” từ trên gửi “hạt nhân” về. Chẳng cần phải “diễn biến hòa bình”. Hạt nhân bắn phá, hấn bị văng ra. Thế là “ao”. Vác hồ sơ về quê...*” [4, tr.208]; (ao: (out) bị loại)

(20) “*Nếu võ là môn chỉ tập bằng chân thì hấn cũng “sờ-tốp” luôn cái kế hoạch cá nhân lại. Từ việc học võ mới dẫn đến quen nàng...*” [4, tr.131]; (sờ-tốp: (stop) tạm dừng)

Hiện nay, việc phiên âm tiếng Anh ra tiếng Việt được sử dụng với tần suất cao, đặc biệt là trong tầng lớp những người trẻ tuổi. Việc phiên âm không nhằm mục đích cho việc đọc tiếng nước ngoài trở nên dễ dàng hơn mà chỉ để lạ hóa cách nói của mình.

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu, tìm hiểu về tiếng lóng trong truyện về đề tài giáo dục của Văn Thành Lê, chúng tôi đưa ra một số kết luận sau:

Để hiểu được tiếng lóng, chúng ta phải tìm hiểu về nhóm xã hội sản sinh ra nó, đặc trưng lâm thời của nó để lí giải sự biến đổi của các từ, ngữ lóng theo thời gian. Việc sử dụng ngôn ngữ đời sống vào sáng tác văn học đã được khai thác với nhiều đề tài khác nhau, phù hợp với thị hiếu người đọc. Tác giả Văn

Thành Lê đã khai thác đề tài giáo dục, một đề tài mang tính mô phạm, mỗi trang sách là một vùng đất để tác giả bày tỏ quan điểm của mình, qua đó tái hiện khách quan, chân thực về hiện thực việc dạy và học của ngành giáo dục. Phần lớn tiếng lóng được sử dụng trong truyện ngắn của Văn Thành Lê là những từ toàn dân với nghĩa khác hoặc các từ vay mượn với mục đích “lạ hóa” ngôn ngữ. Từ đó, ta thấy được tiếng lóng không phải được sinh ra một cách tùy tiện, vô tổ chức mà dựa trên những phương thức nhất định và mang dụng ý nghệ thuật của người sử dụng. Theo thời gian, vai trò của tiếng lóng đã dần được khẳng định, nó giúp tăng sức hấp dẫn dí dỏm cho lời nói, mở rộng vốn từ toàn dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Khang (2001), *Tiếng lóng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Như Ý (chủ biên), Nguyễn Văn Khang, Vũ Quang Hào, Phan Xuân Thành (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (2001), *Cơ sở Ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Văn Thành Lê (2015), *Biết đến khi nào mưa thôi rơi*, Nxb Văn học, TP Hồ Chí Minh.
5. Văn Thành Lê (2016), *Thừa ra một người*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
6. Văn Thành Lê (2015), *Sẽ trôi về đâu*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
7. Văn Thành Lê (2015), *Ghi chú về những giấc mơ*, Nxb Văn học, TP Hồ Chí Minh.
8. Văn Thành Lê (2009), *Con gái tuổi Dần*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
9. Văn Thành Lê (2011), *Ông mặt trời và mùi hương của mẹ*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
10. Văn Thành Lê (2015), *Không biết đâu mà lần*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.

SUMMARY

SLANG IN VAN THANH LE'S STORIES ABOUT EDUCATION PROBLEMS

Phạm Thị Thu Hoài^{*}, Tran Thi Thanh*TNU - University of Education*

Slang occurs in almost every language in the world. In the word system, slang is just a “jargon”, a narrow language used in a small group or community of allusions. At present, linguistics has considered slang as the object of study of Social Linguistics. The development of slang not only in spoken language but also in written language. The role of slang is gradually affirmed, it helps to increase the attractiveness, wit, creating strange shades in the word for the language of the people. With the smart way of writing, Van Thanh Le has been flexible in introducing slang language into his compositions, reflecting objectively and vividly the reality of teaching and learning.

Keyword: *slang, narrow language, Van Thanh Le, strange shades, language of the people*

Ngày nhận bài: 12/4/2018; Ngày phản biện: 14/4/2018; Ngày duyệt đăng: 29/6/2018

^{*} Tel: 0936.633.777; Email: *phamthuhoai.kv@gmail.com*

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Hoang Thi Phuong Nga - Literature tourism model “the old Vu Dai village”	3
Pham Thi Thu Hoai, Tran Thi Thanh - Slang in Van Thanh Le's stories about education problems	9
Ngo Thi Thanh Nga, Pham Thi Hong Van - A brief description of the modes of expressing conjugal sentiments in the Vietnam medieval literature	15
Nguyen Thi Tham, Nguyen Minh Son - The opposite view of Nguyen Ngoc Tu to Vietnamese traditional literature via the main female characters in <i>Khong ai qua song</i>	21
Dang Thi Thuy, Nguyen Dieu Thuong - The logic of “non logic” phenomenon in Vietnamese folk verses, proverbs	27
Dinh Thi Giang - Factors affecting current lifestyle of Vietnamese people in the northern delta	33
Nguyen Dieu Thuong, Nguyen Thi Lan Huong - Mechanisms creating implication in satirical jokes	39
Nguyen Thu Quynh, Vi Thi Hien - Household vocabulary of Thai language in Dien Bien province	45
Nguyen Thi Thu Oanh, Hoang Thi My Hanh - Position, role of the communist party of Vietnam in the period 1954 – 1975 and some lessons learned	51
Do Hang Nga, Pham Quoc Tuan - Collection of taxes in the villages through material of reformist village convention in Thai Nguyen province	57
Le Van Hieu - The efficiency of the model “propaganda department” in communes, wards, township and “commander” in villages, cities at the current period in Lao Cai province	63
Thai Huu Linh, Nguyen Thi Thu Hien, Nguyen Thi Thanh Ha - The role of the rear Bac Thai in the 1968 general offensive	69
Pham Anh Nguyen - The attraction in “Hai dam” of Phan Khoi	73
Nguyen Thi Huong, Nguyen Thi Mao, Nguyen Tuan Anh - Enhancing the efficiency of extracurricular activities in teaching civic education at high schools in Thai Nguyen city these days	79
Nguyen Van Dung, Dao Ngoc Anh - Physical status of non-sports students at Thai Nguyen University of Education	85
Tran Bao Ngoc, Le Ngoc Uyen, Bui Thanh Thuy et al - The reality of degree classification in non-examination students at University of Medicine and Pharmacy – Thai Nguyen University in the period from 2013 to 2017	91
Nguyen Thuc Canh - The need for building an exercise system with practical content to teach mechanics to high school	97
Ha Thi Kim Linh, Chu Thi Bich Hue - Educate legal knowledge for ethnic minority women in Vo Nhai district, Thai Nguyen province	105
Nguyen Thi Thanh Hong, Nguyen Thi Khanh Ly, Vu Kieu Hanh - Improve students’ participation in English learning activities in large mixed ability classes of the freshman students at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy	111
Pham Thi Huyen, Vu Thi Thuy - Manipulate exemplary style according to the President Ho Chi Minh’s thought in building work style for key cadres at present period	117
Dam Quang Hung - Science lesson planning for grade 4, 5 according to experimental research	123
Hoang Thi Thu Hoai - Difficulties in teaching and learning ESP vocabulary for nursing students at Thai Nguyen Medical College and some solutions	129
Nguyen Lan Huong, Van Thi Quynh Hoa - Determinants affecting English speaking performance of the first-year students at Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry	135

Vu Kieu Hanh - Determinants to the reading comprehension performance level of the second- year students at Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry	141
Nguyen Thi Que, Hoang Thi Nhung - Asking the right question for successful self-studying and cooperative learning - towards independent language learners in the context of ASEAN community and global integration	147
Ngo Thi Thu Ha, Nguyen Thi Hoai Thu - Apply interactive teaching methods to improve the quality of teaching and learning Vietnamese to international students at Military Technical Academy	153
Duong Van Tan - An assessment of the effectiveness in application of games in general physical development for students at Thai Nguyen University of Technology	159
Bui Thi Huong Giang - Improving intercultural communicative competence in foreign language teaching and learning	165
Tran Hoang Tinh, Nong La Duy, Pham Van Tuan - Building self-managed platoon in disciplinary education for students at the center for defense and security education in the current phase	171
Tran Thi Yen, Khong Thi Thanh Huyen - Improving academic writing performance for english majors through intensive reading	177
Do Thi Hong Hanh, Hoang Mai Phuong - Vocational training for rural workers in Cho Moi district, Bac Kan province	183
Tran Thuy Linh, Tran Luong Duc, Nguyen Thi Thuy Trang - European union competition law approach on exploitative abuses	189
Nguyen Thi Thanh Ha, Pham Viet Huong - Setting up an appropriate set of economic criteria and indicators for evaluating sustainable forest management in Dinh Hoa district	195
Dinh Thi Hoai - Marketing promotion for information - library product and service at the Learning Resource Center of Thai Nguyen University	201
Nguyen Thi Thanh Xuan - Factors affecting customer satisfaction in hotels at Thanh Hoa province, Vietnam	207
Duong Thi Tinh - Contributions of goods export to the economic growth of Yen Bai province	213
Le Minh Hai, Tran Viet Khanh - Tourism space organization of Thai Nguyen province	219
Ha Van Vuong - Apply the ergonomics theory in working environment organization at the office of Song Cong garment branch II – TNG Investment and Trading Joint Stock Company	227
Mai Anh Linh, Nguyen Thi Minh Anh - Assessing service quality and customer satisfaction: an empirical study at Lan Chi supermarket, Thai Nguyen city	233
Dinh Hong Linh, Nguyen Thu Nga, Nguyen Thu Hang - Applying logarithmic function to evaluate the business efficiency of Vietnam banks	239